

BÁO CÁO
Công tác phòng, chống tham nhũng
06 tháng đầu năm 2021

Thực hiện văn bản số 1911/UBND-TCDNC ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh v/v thực hiện nghiêm túc việc báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, GQKN, tố cáo và PCTN theo Thông tư số 02/2021/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ;

Tiếp nhận văn bản số 333/TTT-VP ngày 27/5/2021 của Thanh tra tỉnh v/v phối hợp chỉ đạo thực hiện báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2021.

Sở Tài chính Ninh Thuận báo cáo kết quả với các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng: Nhằm nâng cao tính thống nhất trong công tác phòng, chống tham nhũng và trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 1362/KH-STC ngày 29/4/2021 về Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng: Trên cơ sở Kế hoạch số 1362/KH-STC ngày 29/4/2021 đã ban hành, Sở đã triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức trong Sở Tài chính để thực hiện, qua đó thể hiện tính thống nhất trong công tác chỉ đạo, triển khai cũng như đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch đã ban hành.

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 65/KH-STC ngày 08/01/2021 về việc kiểm tra, rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 của Sở Tài chính; qua rà soát đã kịp thời phát hiện những văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo để đề nghị đình chỉ, bãi bỏ, ban hành văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; kết quả đã thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật từ 01/01/2020-31/12/2020 là 30 văn bản (còn hiệu lực thi hành là 16 văn bản, hết hiệu lực toàn bộ là 11 văn bản, hết hiệu lực một phần là 03 văn bản).

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách): Giám đốc Sở đã phân công một Phó Giám đốc và một công chức phụ trách công tác phòng chống tham nhũng tại Sở Tài chính.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Công tác quán triệt, tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật nói chung và pháp luật về phòng, chống tham nhũng nói riêng chủ yếu được thực hiện bằng hình thức trực tiếp (thông qua các buổi sinh hoạt pháp luật vào ngày thứ 2 đầu tháng) và gián tiếp (thông qua trang thông tin nội bộ, TDOffice của Sở Tài chính).

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

Trên cơ sở Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 v/v Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Quyết định số 2043/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2019; Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2021; Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phân bổ ngân sách địa phương năm 2021; Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2021. Sở Tài chính đã tiến hành công bố công khai trên website, niêm yết tại Sở Tài chính: Công khai dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận, công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019; công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý I/2021; công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Sở Tài chính; công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Sở Tài chính; hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 áp dụng tại Sở Tài chính; danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của Sở Tài chính (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung).

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Sở Tài chính ban hành Quyết định số 02/QĐ-STC ngày 05/01/2021 Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 01/QĐ-STC ngày 05/01/2021 Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 09/QĐ-STC ngày 9/2/2021 về việc quy định

mức chi công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành tại cơ quan Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 18/QĐ-STC ngày 03/3/2021 về việc quy định mức chi công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành tại cơ quan Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 22/QĐ-STC ngày 09/3/2021 về việc bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận. Công tác quản lý thu, chi tài chính được đảm bảo theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã ban hành và đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Sở, Sở Tài chính luôn tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời các chế độ, định mức, tiêu chuẩn và triển khai trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Nhìn chung, các cơ quan đơn vị chấp hành tốt định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Tuy nhiên, trong giai đoạn báo cáo, Sở Tài chính đã tiến hành thanh tra theo kế hoạch là 03/07 đơn vị, đã ban hành 02 kết luận, kiến nghị thu hồi 264.396.976 đồng (trong đó: chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ là 85.571.225 đồng).

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 33/QĐ-STC ngày 07/5/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 63/QĐ-STC ngày 26/8/2019 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Tài chính Ninh Thuận; Quyết định số 64/QĐ-STC ngày 26/8/2019 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành Nội quy cơ quan của Sở Tài chính Ninh Thuận; Quyết định số 2260/QĐ-STC ngày 04/9/2014 của Bộ Tài chính về việc Ban hành quy chế quản lý, sử dụng và đánh giá cán bộ đoàn thanh tra ngành tài chính và Thông tư số 01/2021/TTCP ngày 11/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về Quy định quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành thanh tra và cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn: Sở Tài chính đã tiến hành điều động ông Đinh Văn Thạch – Phó Chánh thanh tra và ông Đặng Quang Huy – chuyên viên Văn phòng Sở sang phòng Quản lý giá – Công sản và Tài chính đầu tư.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

Sở Tài chính ban hành Kế hoạch số 204/KH-STC ngày 20/01/2021 về công tác cải cách hành chính năm 2021; thực hiện tốt Quy trình “một cửa” của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; quy trình quản lý theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong giải quyết các thủ tục hành chính tại Sở Tài chính; thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi kịp thời quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; thành lập và duy trì hoạt động của tổ chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính tại cơ quan, tổ chức tự kiểm tra đột xuất việc chấp hành giờ giấc làm việc cán bộ, công chức tại cơ quan.

Tiếp tục áp dụng phần mềm Văn phòng điện tử trong giải quyết công việc tại Sở Tài chính, tăng cường thực hiện việc gửi báo cáo, thông tin nội bộ qua mạng và hoàn thiện trang Website của Sở; Triển khai và duy trì, đảm bảo vận hành thông suốt hệ thống mạng (Tabmis) trên địa bàn toàn tỉnh.

Đa số các khoản chi trả cho cán bộ, công chức và người lao động trong Sở Tài chính 100% đều được thực hiện qua tài khoản cá nhân đã mở tại Ngân hàng.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn: Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 638/KH-STC ngày 04/3/2021 về việc triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu của năm 2020; tiến hành triển khai, phổ biến đến các đối tượng phải kê khai theo quy định và niêm yết công khai tại cơ quan kết quả kê khai tài sản, thu nhập lần đầu của cán bộ, công chức năm 2020 theo Thông báo số 952/TB-STC ngày 30/3/2021; trong kỳ đã tiến hành kê khai 38/38 đối tượng phải kê khai, đạt tỷ lệ 100% theo quy định.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: Không có.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Không có.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có): Không có.

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không có.

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng: Không có.

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu: Không có.

4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

a) Các hoạt động đã thực hiện để quản lý công tác phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không có.

b) Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (gồm công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện): Không có.

c) Kết quả thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không có.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp,

công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng: Không có.

b) Những kết quả, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng: Không có.

c) Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng: Không có.

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

a) Việc thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng:

Sở đã tiến hành tuyên truyền nội dung Công ước và các văn bản quy phạm pháp luật khác đến toàn thể cán bộ, công chức trong Sở Tài chính. Qua đó từng bước nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, góp phần ngăn ngừa, hạn chế tham nhũng xảy ra;

Thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính hết hiệu lực theo quyết định công bố của Bộ Tài chính nhằm phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật trái luật, mâu thuẫn, chồng chéo hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp để kịp thời tham mưu đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới, góp phần nâng cao chất lượng của hệ thống pháp luật, ngăn ngừa tham nhũng xảy ra.

b) Kết quả thực hiện các hoạt động về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong phòng, chống tham nhũng và các hoạt động hợp tác quốc tế khác về phòng, chống tham nhũng (nếu có): Không có.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không có.

2. So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Đạt 100% hiệu quả phòng, chống tham nhũng theo mục tiêu đề ra.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng: Công tác phòng, chống tham nhũng được triển khai chủ yếu trên cơ sở phòng ngừa là chính và Sở Tài chính đã và đang thực hiện tốt việc này nên trong giai đoạn báo cáo không có tham nhũng xảy ra tại Sở Tài chính.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng: Không có.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

Thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi kịp thời quy định giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa tại Sở Tài chính; nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

Tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về: Nghị quyết ban hành định mức phân bổ và định mức các khoản chi thường xuyên thuộc ngân sách tỉnh, huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn năm 2022.

Báo cáo kết quả thực hiện mua sắm tập trung năm 2021.

Tổ chức kiểm tra hiện trạng sắp xếp nhà, đất; đôn đốc ngành, địa phương hoàn chỉnh hồ sơ trình bán trụ sở nhà đất sau sắp xếp theo quy định; tham mưu thanh lý, điều chuyển tài sản theo yêu cầu các ngành.

Tham mưu ban hành Kế hoạch rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội và thực hiện kiến nghị của kiểm toán Nhà nước, các kết luận của Bộ Tài chính.

Phối hợp đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2020.

2. Kiến nghị, đề xuất: Không có.

Trên đây là nội dung công tác phòng chống tham nhũng 06 tháng đầu năm 2021 của Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TTr.PNHT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Nhựt

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG*Số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 07/6/2021**(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng 6 năm 2021 của Giám đốc Sở Tài chính)*

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	1
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	–
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	–
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	5
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	190
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	–
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	–
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	–
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	4
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	3
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	3
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	2
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	–
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	–
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	–
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	85,57

17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	–
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		–
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	–
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	–
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	–
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	–
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	–
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	2
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	36
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	36
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	–
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	–
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	–
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	3.400,98
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	4,98%
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	38
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	–
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	–
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	–
35.1	<i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>	Người	–
35.2	<i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>	Người	–
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		–
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	–
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo	Người	–

	cáo		
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		–
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	–
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	–
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	–
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	–
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	–
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	–
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	–
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	–
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		–
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	–
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	–
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	–
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	–
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	–
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	–
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		–
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	–
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	–
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	–
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	–
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		–
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	–
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	–
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		–

56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	–
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	–
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		–
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	–
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	–
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		–
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	–
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	–
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	–
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	–
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG		–
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	–
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	–
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	–
66.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	–
66.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	–
66.3	- <i>Cách chức</i>	Người	–
	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		–
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	–
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	–
68.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	–
68.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	–
68.3	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	–
68.4	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	–
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	–
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	–
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	–
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	–

	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		–
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–
74	Đất đai	m ²	–
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		–
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	–
75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	–
76	Đất đai	m ²	–
76.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	–
76.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	–
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		–
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–
78	Đất đai	m ²	–
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		–
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	–
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	–
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	–
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	–
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	–
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	–
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	–

Ghi chú:

- Đồng (16): Trung tâm dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản (Tiền ăn + trang phục), số tiền 67.020.000đ; UBND xã Xuân Hải (Chi phí tháo dỡ), số tiền 18.551.225 đồng.